

TRIẾT LÝ TRONG THƠ TỀ KỶ

Đặng Thị Hoa*, Nguyễn Thụy Thùy Dương, Phạm Minh Trí

Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 22/7/2024

Ngày phản biện: 7/8/2024

Ngày duyệt đăng: 25/8/2024

*Tác giả liên hệ:

dthoa@ctu.edu.vn

Title:

Philosophy in the poetry of
Qì Jì

Keywords:

Late Tang, Qì Jì, philosophy,
Zen master, Zen poetry.

Từ khóa:

Văn Đường, Tề Kỷ, triết lý,
thiền sư, thơ thiền.

TÓM TẮT: Thơ Đường trong giai đoạn Văn Đường đã lưu lại nhiều ấn tượng tích cực đối với các nhà nghiên cứu và độc giả yêu thơ không chỉ ở Trung Quốc mà đã vượt biên qua cả các nước lân cận, trong đó có Việt Nam. Do có sự chuyển biến về kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị theo xu hướng bi quan nên nội dung thơ của giai đoạn này thường mang màu sắc u hoài, ảm đạm. Nhiều nhà thơ đã chọn phương pháp sáng tác theo khuynh hướng Thiền - Lão, tìm đến chốn thiên nhiên để tâm tưởng an nhàn, ngẫm về quá khứ huy hoàng của một thời đã qua cũng như ước vọng về một thế giới tốt đẹp yên bình trong tương lai. Tề Kỷ là một trong số những nhà thơ như thế. Nhưng tiếc thay, khi các thi nhân cùng thời với ông đã vang danh sử sách, được người đời biết đến với những trang thơ của mình thì Tề Kỷ và những vần thơ thiền chứa đựng những triết lý về cuộc đời, về nhân sinh, .. của ông vẫn khiêm tốn thu mình giữa chốn trần gian ồn ào, đầy bụi bặm.

ABSTRACT: Tang poetry in the Late Tang period left many positive impressions on researchers and poetry enthusiasts in China and neighboring countries, including Vietnam. Due to changes in the economy, culture, society, and politics with a pessimistic tendency, the content of poetry from this period often carries a sad tone. Many poets chose to compose in the Zen-Taoist style, seeking solace in nature to find peace of mind, reflecting on the glorious past, and hoping for a better, more peaceful world. Qì Jì was one of such poets. Unfortunately, while his contemporaries became renowned and celebrated for their works, Qì Jì and his Zen poems, which contain deep philosophical reflections on life and human existence, remained quietly obscured amidst the noisy and dusty world.

1. Giới thiệu vấn đề nghiên cứu

Vào thời Văn Đường, vua quan tham hưởng thụ cuộc sống, ham mê tửu sắc, không biết dùng người, bỏ bê quốc sự đã khiến cho triều chính ngày càng suy tàn. Thời kì này, loạn lạc khắp nơi, chấn phiên cát cứ, hoạn quan chuyên quyền, các cuộc khởi nghĩa của nông dân liên tiếp nổ ra kéo theo nền kinh tế và chính trị suy thoái. Điều này đã ảnh hưởng sâu sắc đến nội dung sáng tác của các thi nhân. Nếu thời Thịnh Đường, mỗi vần thơ đều cho thấy chí khí hào sảng, cảnh đất nước huy hoàng, triều chính kỉ cương, vua tôi lễ nghĩa, khắp nơi đều là hoa thơm trái ngọt, ...

thể hiện sự tự hào của các thi nhân thì đến thời Văn Đường, những vần thơ như thế đã dần được thay thế bởi sự tiếc nuối về quá khứ, sự trăn trở về thời cuộc hiện hữu. Các nhà thơ thời kì này tuy vẫn hướng đến cảnh điền viên, miêu tả cảnh núi non hùng vĩ, nhưng ẩn sâu trong đó là cả một bầu tâm sự được gửi gắm như một cách để tìm sự bình yên cho mình trước thời thế hỗn loạn, khó phân thật giả. Tề Kỷ là một nhà thơ như thế. Ông là một nhà sư có tài văn thơ. Tuy đã gửi gắm thân mình nơi cửa Phật nhưng với trái tim của một người yêu đời, Tề Kỷ vẫn không khỏi nặng lòng với nỗi đau trần thế, nơi mà hàng ngày ông vẫn

phải chứng kiến cảnh bất công, loạn li, đói khổ,... Mỗi vần thơ của Tề Kỷ đều ẩn chứa sự chiêm nghiệm, triết lí sâu sắc của bản thân nhà thơ về cuộc đời, về kiếp người, ...đồng thời đó cũng là những tâm tư, tình cảm của ông dành cho cõi trần thế mà ông đang gửi thân.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Khái niệm triết lí

Theo *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê: “*Triết lí là quan niệm chung của con người về những vấn đề nhân sinh và xã hội.*”. [5; 1035]

Trong cuốn *Hán Việt từ điển*, Đào Duy Anh giải thích: “*Triết lí là đạo lí về triết học.*” [2; 863]

Giáo sư Vũ Khiêu cho rằng: “*Triết lí là triết học khiêm tốn nói về mình, triết lí không thể hiện tầm khái quát vũ trụ quan và nhân sinh quan mà thể hiện ý nghĩ và hành vi có nghĩa chỉ đạo cuộc sống con người.*”. [4; 3]

Nguyễn Văn Huyền cùng các cộng sự, khi viết về *Triết lí phát triển C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin và Hồ Chí Minh*, có quan điểm: “*Triết lí có thể thể hiện bằng một mệnh đề hàm súc những ý nghĩ về nhân tình thế thái; về tự nhiên, về xã hội, nó cũng có thể là một hệ mệnh đề tạo thành một quan niệm, một luận thuyết... Triết lí đúng và khoa học thì nó trở thành cơ sở lý luận khoa học cho một hệ thống quan điểm, học thuyết; nó làm công cụ lý thuyết cho hành động hiệu quả của con người.*”. [3; 9]

Về hình thức thể hiện, tác giả Hồ Sĩ Quý trong bài viết “*Mấy suy nghĩ về triết học và triết lí*” cho rằng: “*Triết lí có thể và nên được hiểu là những tư tưởng, quan điểm hay quan niệm mang tính khái quát cao; được phản ánh một cách cô đúc dưới dạng mệnh đề hoặc các phán đoán thường là trau chuốt về mặt ngữ pháp.*”. [9; 57]

Tác giả Nguyễn Thị Lan Vi trong “*Triết lí nhân sinh trong thơ văn Lý - Trần*” đã khái quát: “*Triết lí là những mệnh đề được cô đúc từ sự trải nghiệm, chiêm nghiệm của con người mang tính hướng về đạo lý trong quan hệ giữa con người với con người, con người với tự nhiên, con người với xã hội, trở thành phương châm sống và hành động của con người.*”. [10; 12]

Từ những định nghĩa trên, chúng ta có thể hiểu triết lí là những nguyên tắc và hiểu biết cơ bản về vũ trụ và cuộc sống. Nó thường là lí luận triết học về thế giới quan, nhân sinh quan. Chức năng của nó là giúp con người hiểu được những nguyên lí và đạo lí cơ bản của con người với con người, giữ con người với vũ trụ, là kim chỉ nam định hướng hoạt động của con người trong đời sống xã hội.

2.1.2. Quan niệm triết lí trong thơ

Từ xưa đến nay, thơ ca đều mang tính triết lí sâu xa về nhân sinh và xã hội. Triết lí trong thơ là những điều cô đọng, hàm súc mà thi nhân muốn thể hiện quan niệm tam quan¹ của mình về con người, cuộc sống thông qua hình ảnh thơ ca. Nhờ cảm xúc và suy nghĩ của nhà thơ đặt trên nền hiện thực mà triết lí được thăng hoa. Từ cổ chí kim, thơ ca đều thể hiện sự hài hòa về cảnh và tình, về thực và ảo. Thi nhân các nước Á Đông luôn vịnh cảnh thiên nhiên để bày tỏ tâm lòng của mình trước vẻ đẹp tạo hóa, thể hiện thông điệp trân trọng đối với cái đẹp và thời gian, gửi gắm niềm tiếc nuối về quá khứ huy hoàng, thể hiện sự hoài nghi và trăn trở về tương lai,... Thơ Đường cũng thế, một thể thơ vốn ít chữ mà lắm lời, cái mà các nhà thơ muốn gửi gắm trong đó nhiều hơn rất nhiều so với bề mặt văn tự. Thế nên việc lựa chọn ngôn từ, hình ảnh,... đều được thi nhân chọn lọc một cách tinh tế để tạo nên tầng ý nghĩa sâu xa cho tác phẩm của mình. Lê Thị Bích Liên trong “*Tinh triết lí trong thơ Chế Lan Viên sau 1975.*” Từng đúc kết: “*Nhà thơ nào có vốn văn hóa, vốn triết học càng cao, óc thẩm mỹ tốt, và biết vận*

¹ Tam quan: thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan.

dụng nhuần nhuyễn và hài hòa ngôn từ nghệ thuật vào việc phản ánh, bình giá, khám phá hiện thực trong sáng tạo để hình thành kiểu tư duy độc đáo, đậm đặc mang cá tính riêng thì càng được xem như nhà thơ trí tuệ, nhà thơ triết lý” [4; 23].

2.2. Các phương pháp nghiên cứu

Ngoài sử dụng phương pháp nghiên cứu tiểu sử, lịch sử để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của nhà thơ Tề Kỷ, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp khảo sát văn bản trong quá trình khảo sát các tác phẩm thơ của ông và một số tư liệu có liên quan đến tác giả, tác phẩm.

Phương pháp chú giải, dịch thuật cũng được sử dụng khi nhóm nghiên cứu tiến hành phiên âm, dịch nghĩa một số bài thơ, câu thơ tiêu biểu, giúp người đọc nắm bắt được ý nghĩa cơ bản mà nhà thơ muốn truyền tải tới bạn đọc.

Phương pháp phân tích ngữ văn cũng được sử dụng để phân tích những thơ Tề Kỷ. Từ đó bài viết mong muốn mang Tề Kỷ cũng như những vần thơ triết lý của ông đến gần với độc giả hơn.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Tề Kỷ và sự nghiệp văn chương

3.1.1. Đôi nét về Tề Kỷ

Tề Kỷ (齊己) sinh khoảng năm 864 và mất khoảng năm 938, là một thi tăng thời Văn Đường. Tề Kỷ vốn tên là Hồ Đắc Sinh (胡得生), người Ích Dương 益阳, Tầm Châu 潭州 (nay là Ninh Hương 寧鄉, Hồ Nam 湖南). Ông sinh ra trong một gia đình nghèo gần chùa Đồng Khánh 同慶, núi Đại Quy 大漚山. Tề Kỷ mất cha mẹ từ nhỏ. Khi lên 6 tuổi, ông chẵn trâu cho chùa cùng với những đứa trẻ của các gia đình tá điền. Trong lúc chăn trâu, ông hay dùng nhánh trúc làm những bài thơ ngắn và được các tăng sư chùa Đồng Khánh đánh giá cao, khen ngợi thông minh lanh lợi hơn các bạn cùng trang lứa. Các nhà sư của chùa Đồng Khánh vì muốn tạo danh

tiếng cho ngôi chùa của mình nên đã thuyết phục Tề Kỷ đi tu. Sau khi thọ giới, Tề Kỷ đã chăm chỉ học hành, không chỉ tinh thông giáo lý Phật pháp mà còn giỏi văn thơ và ngâm vịnh. Sống lâu trong cửa thiền nên những trang thơ của ông cũng dạt dào cảm thức thiền của một nhà tu hành.

Tề Kỷ là người thích ngao du khắp nơi. Ông đi khắp nơi để muốn hòa mình vào thiên nhiên tươi đẹp, để thấy mình được là một phần nhỏ bé trong thế giới tươi đẹp đó. Ông từng leo lên Nhạc Dương 岳陽, ngắm nhìn Động Đình 洞庭, sau đó đi qua Trường An 長安, dạo khắp núi Trung Nam 終南, núi Hoa Sơn 華山 cũng như Giang Tây 江西 và rất nhiều địa danh trên khắp đất nước Trung Hoa. Nhờ những trải nghiệm thực tế, ông đã có thêm thi liệu phong phú để sáng tác văn thơ. Ông đã viết nhiều tác phẩm nổi tiếng khi đang trên đường ngao du thiên hạ. Năm 921, Tề Kỷ trên đường đến Tứ Xuyên 四川 có đi qua Kinh Châu 荊州. Vì ngưỡng mộ tài năng ông nên Cao Quý Hưng (Tiết độ sứ Kinh Châu) đã giữ ông ở lại. Ông được mời đến chùa Long Hưng (龍興) và nhận lệnh giữ chức Tăng chính² (僧正). Ở Kinh Châu, tuy cuộc sống vật chất rất đủ đầy nhưng Tề Kỷ vốn là người không ham tiền tài, của cải nên ông đã viết 15 chương Chữ Cung mặc vấn thiên (渚宮莫問篇) để bày tỏ chí hướng thanh khiết, khát khao muốn trở về cuộc sống ẩn cư nơi sơn lâm thanh tịnh vô nhiễm.

Tề Kỷ từng tu hành ở nhiều ngôi chùa khác nhau như: chùa Đồng Khánh ở Quy Sơn; chùa Đạo Lâm ở Trường Sa; chùa Đông Lâm ở Lô Sơn; chùa Long An ở Long Hưng; chùa Kinh Chữ ở Giang Lăng,... Trong suốt cuộc đời mình, Tề Kỷ đi tới khắp các thiền lâm, đến nhiều tự viện ở các nơi như: Thiểm Tây, Sơn Tây, Hà Nam, Hồ Nam, Hà Bắc, Chiết Giang, Giang Tô,... Ông có cơ hội được tham vấn và giao lưu với các cao tăng đại đức, từ đó nhận được trí tuệ thiền pháp, nâng

² Tên chức quan của tăng sư, làm nhiệm vụ quản lý những việc có liên quan đến tăng ni ở địa phương.

cao cảnh giới tu chứng của chính mình. Ông từng cùng xướng họa thơ ca với các tăng nhân đồng môn và các thi nhân đời Đường như: Trịnh Cốc (鄭谷), Tào Tùng (曹松), Thẩm Bân (沈彬), Quán Hưu (貫休), Lý Động (李洞),... Nhờ giao lưu và kết thân với nhiều bậc tài hoa, đức độ thời Văn Đường nên ông đã có thêm nguồn kiến thức dào dạt trong sáng tác dòng thơ sơn thủy và thơ giao du.

3.1.2. Đôi nét về sự nghiệp văn chương của Tề Kỳ

Mặc dù Tề Kỳ theo đạo Phật nhưng ông rất thích sáng tác và ngâm vịnh thơ ca. Thơ ông tao nhã và ôn hòa. Thi phẩm của nhà thơ Tề Kỳ có Bạch Liên tập 白蓮集 (10 quyển, 809 bài thơ). Ông sở hữu số lượng tác phẩm được lưu truyền đáng khâm phục mà không phải nhà thơ nào cũng có được. Với số lượng sáng tác này, ông được xếp vào vị trí hàng đầu thi tăng thời nhà Đường và xếp thứ năm sau Bạch Cư Dị (白居易), Đỗ Phủ (杜甫), Lý Bạch (李白), Nguyên Chấn (元稹).

Bạch Liên tập (白蓮集) do các đệ tử của Tề Kỳ thu thập, biên soạn có tổng cộng 809 bài thơ. Tập thơ được khắc vào năm Thiên Phúc thứ ba thời Hậu Tấn (938). Tác phẩm là một trong những cuốn sách khắc được biết đến sớm nhất trong Thi văn tập của các văn nhân Hồ Nam.

3.2. Thơ Tề Kỳ- những triết lí sâu sắc

3.2.1. Triết lí về đời người

Là một nhà thơ gửi gắm thân mình nơi cửa Phật nhưng Tề Kỳ không gò bó hay chôn mình nơi bốn bức tường chùa, tu viện. Ông rong ruổi khắp nơi, đắm mình vào cảnh sắc thiên nhiên như thể những cuộc đi, thường lắm cảnh non sông đất nước là một phần không thể thiếu trong hành trình làm kiếp người của ông. Nhờ có những cuộc đi đầy trải nghiệm đó mà ông tích lũy được nhiều kinh nghiệm, rút ra được nhiều chân lí về cuộc đời, về kiếp người. Thơ ông, người đọc dễ bắt gặp sự hiện hữu của thiên nhiên qua bốn mùa

Xuân Hạ Thu Đông. Mỗi mùa là một bức họa đầy chất thơ với những biểu tượng thiên nhiên tràn đầy sức sống. Tề Kỳ luôn bắt trọn mỗi khoảnh khắc thiên nhiên giao hòa, chuyển mùa một cách tinh tế. Qua đó ông cũng thể hiện cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm của bản thân về vòng sinh – lão của kiếp người, của vạn vật. Ông viết:

莫染亦莫鑷

任從伊滿頭

白雖無耐葯

黑也不禁秋

(白髮)

Mạc nhiễm diệc mạc nhiếp

Nhậm túng y mãn đầu

Bạch tuy vô nại dược

Hắc dã bất cấm thu

*Tạm dịch:*³

Chớ nhuộm và cũng chớ nhổ

Kệ cho nó mọc đầy đầu

Bạc nào có thuốc để chữa

Đen đâu cưỡng được thời gian.

争教此时白

不上鬢須根

(岳阳道中作)

Tranh giáo thử thời bạch

Bất thượng mấn tu căn

Tạm dịch:

Thời gian trôi, mái đầu đã bạc

Chẳng thể nhổ cọng tóc mai

Dù thế nhưng nhà thơ cũng không hề tỏ ra lo lắng thái quá khi tuổi già đang theo thời gian đến trên mái đầu. Ông đón nhận mái tóc bạc của mình một cách bình tĩnh nhất, chẳng cần phải tìm cách “nhuộm” hay “nhổ” để mong che giấu dấu vết của thời gian. Bởi hơn ai hết, nhà sư đã hiểu thấu lẽ “sinh-lão-bệnh-tử” của kiếp người. Có sinh ắt có lão, tóc dù xanh cũng đến ngày bạc, không có gì có thể tồn tại vĩnh hằng, nơi mà con người đang gửi

³ *Tạm dịch:* là phản dịch nghĩa của nhóm nghiên cứu, giúp bạn đọc hiểu được nghĩa cơ bản của đoạn trích.

thân chỉ là kiếp tạm nơi trần ai mà thôi. Con người dù muốn dù không thì đâu thể thoát ra khỏi vòng quy luật đó. Đã biết là thế thì cần chi phải “nhuộm”, phải “nhỏ” những sợi tóc bạc, cọng tóc mai đã trắng trên đầu làm chi, bởi thi nhân hiểu rằng “Bạc nào có thuốc để chữa/ Đen đầu cưỡng được thời gian” và tóc mai chẳng ai nhỏ bỏ bao giờ. Từ đó thay vì lo âu, sợ hãi, ông thản nhiên đón nhận và hưởng thụ cuộc sống với tâm thế tự tại nhất có thể, không một mây may suy tư:

靜枕聽蟬臥

閑垂看水流

(白髮)

Tĩnh chẩm thính thiên nga

Nhàn thủy khán thủy lưu

Tạm dịch:

Yên lặng nằm nghe ve kêu

Nhàn hạ ngắm nhìn nước chảy

Một cuộc sống an nhàn và đáng ngưỡng mộ của thi nhân.

3.2.2. Triết lí về sự còn – mất

Tề Kỷ là một thi tăng nhưng không vì thế mà ông tách mình ra khỏi cuộc sống trần tục. Ông luôn dõi theo thời cuộc và nặng lòng với kiếp người nhỏ bé. Ông làm thơ không phải để trốn đời, trốn người mà là để trải lòng, để tâm sự. Trong thơ ông, người ta thấy cảnh sắc bốn mùa hiện lên vô cùng đẹp đẽ nhưng ẩn sau những hình ảnh đẹp đẽ đó là cả một nỗi niềm của một thi nhân vẫn đang hướng cái tâm thiện lương của mình về những kiếp người bé nhỏ trong xã hội. Nhìn thực tại đau buồn của cuộc sống trước mắt, trước những rối ren của triều chính, ông không khỏi xót xa khi nhớ đến quá khứ huy hoàng của các triều đại:

金谷園應沒

夫差國已迷

(春草)

Kim Cốc viên ưng một

Phù Sai quốc dĩ mê

Tạm dịch:

Kim Cốc Viên đã mất

Nước Phù Sai chẳng còn

“Kim Cốc viên” tương truyền là nơi xây dựng dinh thự nguy nga của Thạch Sùng, người giàu nhất Trung Quốc thời Tây Tấn và đánh dấu một thời kì bành trướng hùng mạnh của nước Ngô. Nhắc đến “Kim Cốc viên” và “Nước Phù Sai”, Tề Kỷ ngưỡng vọng và nuối tiếc về một thời vàng son trong quá khứ cũng là đang mong muốn về một xã hội tốt đẹp như thế sẽ xuất hiện ở hiện tại và tương lai để con người không còn phải sống trong cảnh loạn ly, đói khổ, đau thương:

欲尋蘭蕙徑

荒穢滿汀畦

(春草)

Dục tầm lan huệ kính

Hoang uế mãn đình huê

Tạm dịch:

Muốn tìm hoa lan, huệ

Đường đã đầy cỏ hoang

Hai câu thơ với hai hình ảnh tương chừng đối nghịch nhau nhưng lại cho thấy sự chuyển động của thời gian, sự tuần hoàn của vạn vật. Hoa lan, hoa huệ đã từng nở xinh đẹp, khoe sắc giữa thiên nhiên nhưng bây giờ nơi ấy sẽ trở nên hoang tàn, chỉ còn lại cỏ dại. Qua đó Tề Kỷ như muốn nhắc nhở: mọi thứ đều không bền lâu, dù đẹp đẽ đến đâu rồi cũng đến ngày biến mất. Vậy nên chúng ta hãy trân trọng và nâng niu những thứ đang tồn tại xung quanh mình, hãy sống hết mình và đừng lãng phí thời gian.

Tề Kỷ là nhà thơ yêu thiên nhiên. Với ông, mỗi mùa đều có vẻ đẹp riêng của nó. Ông luôn chào đón và ngắm nhìn bốn mùa bằng cả trái tim mình. Mỗi sự vật, hiện tượng gắn với bốn mùa ấy đều được ông phác họa bằng những vần thơ đầy màu sắc. Qua những vần thơ đầy màu sắc ấy, ông cũng không quên thể hiện triết lí của bản thân trước sự tuần hoàn của vũ trụ, sự thay đổi của vạn vật một cách tinh tế.

始驚三伏盡

又遇立秋時

露彩朝還冷

雲峰晚更奇
壟香禾半熟
原迴草微衰
幸好清光裏
安仁謾起悲

(新秋)

Thủy kinh tam phục tận
Hữu ngô lập thu thì
Lộ thái triều hoàn lãnh
Vân phong vân cánh kì
Lũng hương hòa bán thực
Nguyên huýnh thảo vi suy
Hạnh hảo thanh quang lí
An nhân man khởi bi
Tạm dịch:
Tiết tam phục đã qua
Lại một mùa thu mới
Buổi sớm, sương còn giá
Chiều tà, núi đùn mây
Lúa trên đồng thơm chín
Đồng cỏ xa héo khô
May gặp tiết thu đẹp
Chẳng để sầu tâm tư

Mùa thu chóng sang, Tề Kỷ đã nhanh chóng hướng góc nhìn về phía cánh đồng lúa. Ông phát hiện những bông lúa trên cánh đồng đang ngả màu vàng óng báo hiệu sắp đến mùa gặt hái, trái ngược với hình ảnh lúa đang “chín sắp” là sự héo úa của đồng cỏ ở phía xa. Hai hình ảnh cùng xuất hiện trong một khung cảnh tưởng chừng như đối lập nhau nhưng lại thể hiện triết lí của thi nhân về sự sinh tàn của vạn vật. Trước khi đám cỏ héo úa thì nó đã từng rất xanh tốt, chúng hết nhiệm vụ làm đẹp cho đời thì lại phải héo khô. Đồng lúa đang trong độ chín vàng, chỉ một thời gian ngắn nữa thôi, khi người nông dân thu hoạch xong, chúng cũng chỉ còn trở lại rơm rạ. Cả cỏ và lúa cũng như những hoa, lá, cây cối khác, chúng sinh ra để làm đẹp cho đời, khi đã hoàn thành nhiệm vụ, chúng cũng lui tàn trở về với hư không.

3.2.3. Triết lí đạo đức

Là một nhà tu hành, đối với Tề Kỷ, đạo đức là vấn đề phải được đặt lên hàng đầu. Nhưng trong cái xã hội trần tục mà ông đang gửi thân ấy lại nhiều nhuong, loạn lạc, cát cứ thế kia thì con người ta đã không còn để tâm nhiều vào việc gìn giữ lễ thói nữa. Ông đau lòng nghiệm ra bản chất thực của con người:

杀物之性，伤人之欲

既不能断绝蒺藜荆棘之根株

(苦寒行)

Sát vật chi tính, thương nhân chi dục

Kỷ bất năng đoạn tuyệt tật lệ kinh cực chi căn châu.

Tạm dịch:

Bản tính giết chóc và hại người

Như cỏ ấu, cỏ kinh khó lòng mà diệt

Thế mới thấy, mới hiểu được tại sao Tề Kỷ lại muốn ngao du thiên hạ, muốn hòa mình vào thiên nhiên, với cỏ cây hoa lá? Đó chẳng phải vì ông sợ thói đời nhơ nhớp làm bản thân mình hay sao!

3.2.4. Triết lí về nhân tài

Tề Kỷ vốn nổi tiếng là tinh tế trong việc quan sát và miêu tả thiên nhiên. Từng cánh hoa nhẹ rơi ông cũng có thể nghe thấy, từng nhịp thời gian qua ông cũng có thể cảm nhận được. Thế nên:

萬木凍欲折

孤根暖獨回

前村深雪裏

昨夜一枝開

(早梅)

Vạn mộc đông dục chiết

Cô căn noãn độc hồi

Tiền thôn thâm tuyết lý

Tạc dạ nhất chi khai

Tạm dịch:

Vạn cây vì tuyết muốn gãy

Chỉ một rễ mai còn hồi

Thôn trước chìm sâu trong tuyết

Đêm qua nở một nhành mai

Giữa mùa tuyết rơi phủ trắng thôn trước, khi vạn vật đều như muốn gục ngã trước cái lạnh lẽo của tuyết, mọi sự sống của vạn vật như ngừng thở thì Tề Kỳ từ xa vẫn phát hiện ra trong thảm tuyết mênh mông kia vẫn có một nhành mai bé nhỏ đang chứng minh sức sống tiềm tàng của mình. Sự xuất hiện của nhành mai bé nhỏ nhưng đầy sức sống ấy như một điểm nhấn chứng minh rằng sự sống luôn luôn có tính diệu kì của nó. Trong khó khăn thiếu thốn thì sự kiên cường, bất khuất, vượt qua mọi gian truân để chứng minh sự tồn tại của bản thân càng trở nên đẹp biết bao, như nhành mai bé nhỏ kia, trong khi những cây to cành lớn đều đang đông cứng lại và không thể trở hoa kết trái thì nó vẫn hiên ngang bung những cánh hoa tươi tắn cho đời thấy nó đẹp đến nhường nào. Nó vẫn khiến cả một vùng rộng lớn phải chờ đợi gió đến cuốn hương của nó mang đi cho thường thức, vẫn khiến lũ chim phải cất công tìm đến ngân nga trầm nhin.

風遞幽香去

禽窺素艷來

(早梅)

Phong đệ u hương khứ

Cầm khuy tố diễm lai

Tạm dịch:

Gió đưa hương thanh nhã

Chim trộm nhìn sắc xinh

Chúng ta là người lẽ nào không bằng một nhành mai kia, đó chính là thông điệp mà Tề Kỳ muốn hướng tới người đọc.

Tề Kỳ là thi tăng nên những điều ông gửi gắm trong thơ còn nhiều hơn những gì độc giả có thể nhìn thấy trên bề mặt câu chữ. Tả nhành mai nhỏ bé đang vươn mình khoe sắc trong vùng tuyết trắng không người kia thì lãng phí biết chừng nào cũng như những nhân tài của đất nước cứ bị lãng quên, không được trọng dụng thì thật uổng phí biết bao. Chính vì thế mà nhà thơ ao ước:

明年如應律

先發望春臺

(早梅)

Minh niên như ưng luật

Tiên phát Vọng Xuân đài

Tạm dịch:

Năm sau nên theo luật

Hoa nở Vọng Xuân đài

Nếu mai trắng được khoe sắc ở Vọng Xuân đài (chỉ kinh thành) sẽ có nhiều người được thưởng lãm vẻ đẹp của hoa, cũng ví như người có tài năng mà được trọng dụng đúng chỗ thì trăm họ được hưởng phúc lành.

Bằng con mắt và sự từng trải của một nhà sư từng giao du khắp nơi, tiếp xúc nhiều hạng người, Tề Kỳ cũng nghiệm ra rằng:

蟻過光中少

苔依潤處深

(掃地)

Nghị quá quang trung thiểu

Đài y nhuận xứ thâm

Tạm dịch:

Nơi sáng ít kiến tới

Âm ướt rêu bám dày

Từ công việc quét dọn mỗi ngày nơi mình ở, Tề Kỳ nghiệm ra một điều rất thực tế: những nơi ông quét dọn sạch sẽ, sáng sủa thì bọn kiến kia ít bu tới, những nơi ẩm ướt thì rêu rêu mọc bám nhiều. Tề Kỳ nói đến tập tính sinh hoạt của kiến và rêu không đơn thuần là để độc giả hiểu về chúng với nghĩa đen hiện trên câu từ mà qua đó ông đang cay đắng, xót xa cho một thực tế của xã hội đương thời: nhiều nhương và đầy rẫy những kẻ tiểu nhân ăn bám, trục lợi, sẵn sàng vì lợi ích cá nhân mà giẫm đạp lên vai người khác, một xã hội không có đất cho những bậc nhân tài dụng võ. Tề Kỳ quét dọn sạch sẽ bọn kiến, bọn rêu cũng là đang muốn quét sạch bụi trần gian để chúng không có cơ hội làm ô uế nơi thiên định của ông cũng như để xã hội trở nên đẹp đẽ hơn.

3.2.5. Triết lí về thời gian

Tề Kỳ là nhà thơ rất trân trọng thời gian, như thể sợ thời gian trôi qua mọi thứ sẽ vuột mất. Chính vì thế mà ông luôn muốn lưu giữ từng khoảnh khắc đẹp của thiên nhiên vào trong tác phẩm của mình. Ông yêu hoa không

phải chỉ khi chúng nở rộ, khoe sắc rực rỡ mà yêu cả khi chúng vẫn đang còn ngậm sương ẩn nụ trên cành.

千株含露態

何處照人紅

(桃花)

Thiên châu hàm lộ thái

Hà xứ chiếu nhân hồng

Tạm dịch:

Ngàn cây đào còn ngậm sương

Đào nơi đâu chiếu đỏ mặt người

Mỗi độ hoa đào nở, Tề Kỷ lại vội vã đến bên hoa chỉ để mong thời gian không để vượt mất những khoảnh khắc đẹp, đáng nhớ khi những bông hoa ấy bung cánh. Thế cho nên ông đã đến và chờ đợi từ lúc trên cành vẫn chỉ là những búp nụ non xanh mơn mẫm. Ông háo hức tưởng tượng và đặt câu hỏi “Đào nơi đâu” đã nở đỏ rực làm hồng cả những khuôn mặt của những kẻ đến ngắm hoa? Ông đang mong chờ bắt được khoảnh khắc đào trước mặt ông từ từ nở từng cánh hoa mềm mại để ông có thể thỏa thích ngắm.

擬欲求圖畫

枝枝帶竹叢

(桃花)

Nghĩ dục cầu đồ họa

Chi chi đới trúc tùng

Tạm dịch:

Muốn vẽ một bức họa

Cành cành đều nụ xanh

Thi nhân đã chuẩn bị sẵn bút nghiên để ghi lại cái khoảnh khắc hoa đào nở nhưng trên cành chỉ toàn nụ mà thôi. Mới nghe qua tưởng chừng như Tề Kỷ đang tiếc nuối khi mình đến chưa đúng lúc nên bức họa muốn vẽ còn dở dang, nhưng thực ra ông đã cho người đọc thấy được cả một bức tranh về mùa xuân đầy sức sống với một màu xanh mướt của những nụ đào xen lẫn những lá xanh non mơn mẫm. Thế mới thấy tình yêu thiên nhiên của Tề Kỷ thật khác người. Ông yêu hoa đào là yêu cả khi nó chưa đẹp, yêu từ lúc nảy lộc đến khi tàn hoa. Ông lo lắng mình sẽ không chờ được

đến lúc hoa nở, không còn cơ hội để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của tạo hóa. Vì vậy, ông mong muốn bản thân sẽ ghi lại được tất cả khoảnh khắc đẹp của thiên nhiên ở mọi thời điểm. Ông không cho phép mình để vượt mất một cách lãng phí bất cứ một khoảnh khắc, một phút giây nào. Ông viết:

時來真可惜

自勉掇蘭芳

(春興)

Thời lai chân khả tích

Tự miễn xuyết lan phương

Tạm dịch:

Thời gian vụt trôi, tiếc thay!

Giục mình ngắt nhành lan thơm.

Nhà thơ nhận thức được thời gian tươi đẹp rồi cũng sẽ nhanh qua mau. Ông nâng niu đóa hoa lan, vì ông biết rằng, hôm nay nó đẹp, hôm sau sẽ tàn, vẻ đẹp ấy không tồn tại vĩnh viễn cũng như con người sẽ đến lúc trở thành cát bụi về với đất mẹ thôi. Tuy tiếc nuối thời gian trôi nhanh nhưng nhà thơ Tề Kỷ không thể hiện thái quá, điều ông làm là trân trọng từng giây phút hiện tại, nâng niu những giá trị tốt đẹp của cuộc sống.

3.3. Giá trị của tính triết lý trong thơ Tề Kỷ

Bằng kinh nghiệm từng trải của một nhà thơ có tài, với vốn sống phong phú, nguồn tư liệu viết dồi dào, một trái tim ấm áp và sự điềm đạm, bình tĩnh trước mọi sự biến của một nhà sư, Tề Kỷ đã mang đến cho độc giả những vần thơ dạt dào cảm xúc, chứa đựng những thông điệp tuyệt vời về cuộc sống. Thơ của Tề Kỷ không bàng quang trước đời sống trần tục. Nó chứa đựng những triết lý sâu xa được nhà thơ đúc kết được, chiêm nghiệm được qua sự trải nghiệm thực tế của bản thân. Những vần thơ triết lý ấy, vì thế mà trở nên rất thực, rất gần gũi với con người trần thế. Đọc thơ ông, độc giả không chỉ dừng lại ở việc được thưởng thức cảnh đẹp núi sông, cỏ cây hoa lá, mà hơn thế, vị thi tăng thời Văn Đường ấy, thông qua những trang thơ của mình, đã bộc lộ một cách rất tự nhiên những suy nghĩ, cách nhìn nhận, đánh giá của bản

thân về cuộc sống. Những suy nghĩ, cách nhìn nhận, đánh giá của ông không đơn thuần chỉ là những câu nói vu vơ khi vui, khi buồn, khi tuyệt vọng,...trên bước đường tu hành, rong ruổi khắp nơi, mà đó còn là những thông điệp, đầy tính nhân văn về cuộc sống mà ông muốn gửi gắm tới độc giả, với hi vọng mỗi cá nhân trong xã hội đều biết sống và chết sao cho thật ý nghĩa, góp phần làm đẹp cho đời. Có lẽ chính vì thế mà Tề Kỷ là một trong số ít thi tăng thời Văn Đường còn được hậu thế biết đến và ghi nhận những đóng góp của ông cho cả một giai đoạn thi ca rực rỡ của đất nước Trung Hoa trong quá khứ – *Đường thi*.

5. Kết luận

Thi nhân Tề Kỷ cũng như bao thi nhân thời Văn Đường khác, ông cũng yêu cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, luôn bắt trọn mỗi khoảnh khắc thần thái của thiên nhiên để đưa vào thơ tạo nên cái mới lạ, cái riêng biệt của mình trước “trăm hoa đua nở” của thời Đường. Mỗi bài thơ của Tề Kỷ không chỉ là một bức họa cảnh sắc bốn mùa xuân hạ thu đông vô cùng đẹp đẽ và đầy sức sống mà còn chứa đựng những lời tâm sự, những suy tư, trăn trở về nhân tình thế thái, những nuối tiếc, hoài vọng về quá khứ tốt đẹp “nay còn đâu” cũng như sự mong mỏi về một tương lai tốt đẹp hơn cho đất nước, cho dân chúng. Trong những trang thơ ấy, sự chiêm nghiệm, những triết lý về cuộc đời, về kiếp nhân sinh được ông đúc kết sau những trải nghiệm của bản thân cũng được ông khéo léo đưa vào thơ. Tề Kỷ trân trọng từng khoảnh khắc đẹp của thiên nhiên, từng giây phút của thời gian, ông nâng niu và gìn giữ bằng cách đưa chúng vào từng trang thơ của mình. Trước thời gian vô tình, ông bình tĩnh đón nhận mọi sự biến với tâm thế của một vị tu hành giác ngộ trước quy luật của tạo hóa, bánh xe của thời gian. Thơ ông

tao nhã và ôn hòa, từ ngữ được trau chuốt và chọn lọc kĩ càng. Có thể nói, Tề Kỷ là số ít trong số những tăng sĩ tài hoa với những sáng tác có giá trị vĩnh hằng.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh. (2005). *Hán Việt từ điển*. Nxb Văn hóa Thông tin.
2. Nguyễn Văn Huyền. (2000). *Triết lý phát triển C. Mác, Ph.Ăng-ghe-n, V.I. Lênin và Hồ Chí Minh*. Nxb Khoa học xã hội.
3. Vũ Khiêu. (1997). Tham luận tại hội thảo đề tài “*Triết lý về sự phát triển ở Việt Nam*”. Hà Nội.
4. Vương Tú Lâm. (2008). *Nghiên cứu các thi tăng thời Ngũ Đại và thời Đường*. Nxb Trung Hoa thư cục.
5. Vương Tú Lâm. (2011). *Hiệu chú tập thơ Tề Kỷ*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội Trung Quốc.
6. Lê Thị Bích Liên. (2016). *Tính triết lý trong thơ Chế Lan Viên sau 1975*. Luận văn Thạc sĩ, ngành Văn học Việt Nam, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên.
7. Hoàng Phê. (2008). *Từ điển Tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng.
8. Hồ Sĩ Quý (1998). *Mấy suy nghĩ về triết học và triết lý*. Tạp chí Triết học. Số 3 (153).
9. Nguyễn Phước Tâm, Tô Xiếu Ai. (2023). *Cảm thức thiền trong thơ Tề Kỷ đời Đường*. Tạp chí Văn hóa Phật giáo, số 411.
10. Nguyễn Thị Lan Vi. (2021). *Triết lý nhân sinh trong thơ văn Lý - Trần*. Luận văn Thạc sĩ, ngành Triết học. Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.